

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TĐC21B** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MD02303** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Vẽ điện**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTĐC0264	Nguyễn Phúc An	24/06/2006				6		6	7	7	5.0		5.6
2	21BTĐC0265	Lê Hoàng Anh	11/04/2006				5		7	6	6	5.0		5.5
3	21BTĐC0266	Huỳnh Văn Thái Bình	22/06/2006				0		0	0	0	0.0	0.0	0.0
4	21BTĐC0267	Huỳnh Văn Bo	19/04/2006				8		7	9	9	6.0		6.9
5	21BTĐC0268	Lê Nguyễn Tiến Đạt	21/02/2006				7		7	7	7	6.0		6.4
6	21BTĐC0269	Phùng Văn Đông	22/04/2006				7		7	6	6	6.0		6.2
7	21BTĐC0270	Nguyễn Nhật Trường Em	12/01/2006				8		8	8	8	7.0		7.4
8	21BTĐC0271	Nguyễn Hồng Gia	19/11/2005				8		7	8	8	6.0		6.7
9	21BTĐC0272	Đỗ Văn Hậu	29/04/2006				0		0	0	0	0.0	0.0	0.0
10	21BTĐC0273	Ngô Nguyễn Hoàng Hiếu	10/11/2005				7		7	6	6	5.0		5.6
11	21BTĐC0274	Ông Xuân Hòa	12/11/2004				0		0	0	0	0.0	0.0	0.0
12	21BTĐC0275	Phan Tấn Hoàng	06/12/2005				0		0	0	0	0.0	0.0	0.0
13	21BTĐC0276	Nguyễn Huỳnh Bảo Hơn	22/06/2006				0		0	0	0	0.0	0.0	0.0
14	21BTĐC0277	Dương Lý Khang	09/01/2006				6		7	5	6	0.0	0.0	2.4
15	21BTĐC0278	Ngô Tuấn Khang	29/11/2006				6		6	5	7	6.0		6.0
16	21BTĐC0279	Nguyễn Nhựt Khang	15/08/2006			1	6		6	5	7	0.0	6.0	5.8
17	21BTĐC0280	Trần Minh Khánh	07/07/2006				6		6	5	7	5.0		5.4
18	21BTĐC0281	Đỗ Anh Kiệt	27/03/2006				8		8	7	7	8.0		7.8
19	21BTĐC0282	Lâm Tuấn Kiệt	12/07/2006				7		6	4	8	5.0		5.5
20	21BTĐC0283	Võ Tuấn Kiệt	18/11/2006			1	8		6	4	7	5.0		5.2
21	21BTĐC0284	Trần Chí Linh	28/02/2006				6		5	6	5	4.5	0.0	4.9
22	21BTĐC0285	Trần Thiên Quốc Lộc	04/12/2004				0		0	0	0	0.0	0.0	0.0
23	21BTĐC0286	Nguyễn Hữu Lượng	04/12/2006				8		8	6	9	7.0		7.3
24	21BTĐC0287	Giang Tấn Mạnh	10/12/2005				7		6	7	7	7.0		6.9
25	21BTĐC0288	Võ Hoàng Nam	11/03/2006				0		0	0	0	0.0	0.0	0.0
26	21BTĐC0289	Nguyễn Huỳnh Ngân	31/10/2006				7		4	6	7	5.0		5.3
27	21BTĐC0290	Lương Thế Phong	01/06/2006				0		0	0	0	0.0	0.0	0.0
28	21BTĐC0291	Nguyễn Bảo Phúc	23/06/2006				8		7	7	7	7.0		7.1
29	21BTĐC0292	Nguyễn Hoàng Phúc	28/01/2006				7		6	6	7	6.0		6.2
30	21BTĐC0293	Hà Quốc Thắng	27/12/2006				7		6	6	7	5.0		5.6
31	21BTĐC0294	Ngô Trung Thành	22/02/2006				7		8	6	8	7.0		7.1
32	21BTĐC0295	Nguyễn Trung Tín	02/02/2005				0		0	0	0	0.0	0.0	0.0
33	21BTĐC0296	Võ Thành Tín	01/05/2003				6		6	4	7	0.0	6.0	5.9
34	21BTĐC0297	Giang Quốc Toàn	22/09/2006				7		6	5	7	6.0		6.1
35	21BTĐC0298	Nguyễn Hữu Toàn	25/06/2006				6		7	7	6	0.0	0.0	2.6

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ	
36	21BTĐC0299	Lương Khiết Tường	23/08/2006				7		6	5	6		6.0		5.9
37	21BTĐC0300	Mã Vĩnh Tường	14/10/2006				0		0	0	0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 17 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Bảo Quốc